

Số: /2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;
Căn cứ Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của
Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
/TTr-SNN ngày ... tháng ... năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ..., thay thế Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành quy định về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và một số điều của Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh Thái Bình về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Công thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

Về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Quy định này được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi và vùng phụ cận của công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. Vùng phụ cận là vùng không gian được quy định cụ thể về phương ngang và **không giới hạn về phương đứng.**

3. Lưu lượng để xác định vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải truyền tải.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình thủy lợi và vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

Căn cứ vào tiêu chuẩn thiết kế, quy trình, quy phạm kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn cho công trình, thuận lợi cho việc quản lý và bảo vệ công trình để quy định vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

2. Mọi hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải đảm bảo không cản trở đến việc vận hành quản lý khai thác và bảo đảm an toàn công trình, phải có mặt bằng để tu bổ, sửa chữa và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi

1. Đối với cống, cầu máng:

a) Đối với cống tưới, tiêu, xả tiêu qua đê phạm vi bảo vệ tuân theo Điều 23 Luật Đê điều.

b) Đối với cống nội đồng, cầu máng: Cống, công trình trên kênh, cống điều tiết dòng chảy cho kênh nào thì vùng phụ cận áp dụng như đối với kênh đó.

2. Đối với công trình có bố trí khu quản lý như trạm bơm, cống lớn:

Phạm vi bảo vệ là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc giao đất.

3. Vùng phụ cận của kênh:

a) Kênh đất: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra và được quy định theo lưu lượng thiết kế. Cụ thể:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 01 m;
- Kênh có lưu lượng từ $02\text{m}^3/\text{s}$ đến $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 02 m;
- Kênh có lưu lượng lớn hơn $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 03 m.

b) Kênh xây, kênh bê tông, kênh kiên cố hóa: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra ứng với từng cấp lưu lượng thiết kế. Cụ thể:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 01 m;
- Kênh có lưu lượng từ $2\text{m}^3/\text{s}$ đến $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 1,5 m;
- Kênh có lưu lượng lớn hơn $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 02 m.

c) Một số trường hợp khác: Đối với kênh không có bờ kênh: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép giao tuyến mái kênh và mặt đất tự nhiên trở ra như quy định đối với kênh có bờ và cộng thêm **3,0m**. Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh kết hợp đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận công trình phía đường giao thông thực hiện đồng thời theo quy định về bảo vệ công trình giao thông và thủy lợi; phía còn lại thực hiện theo quy định bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Bờ vùng, cống dưới bờ vùng:

a) Bờ vùng bảo vệ phạm vi liên xã, liên tỉnh phạm vi vùng phụ cận là 03 m tính từ chân mái bờ trở ra.

b) Bờ vùng bảo vệ phạm vi liên xã là 02 m tính từ chân mái bờ trở ra.

c) Bờ vùng bảo vệ phạm vi 1 xã là 01 m tính từ chân mái bờ trở ra.

d) Cống dưới bờ vùng nào thì vùng phụ cận áp dụng như đối với bờ vùng đó.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thủy lợi

Các hành vi bị nghiêm cấm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 8 Luật thủy lợi.

Điều 6. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép được quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 7. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 43 Luật Thủy lợi, Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý công trình thủy lợi.
b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND cấp xã tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.

c) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi lập, thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định. Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.

d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, di dân tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức kiểm tra và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra và quản lý hồ sơ đề nghị cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

f) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ban ngành có liên quan

a) Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông đảm bảo phù hợp với quy hoạch thủy lợi. Hướng dẫn các đơn vị xin cấp phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước cho đô thị, khu dân cư, công nghiệp nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi.

b) Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho công tác cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; công tác giải tỏa, bồi thường, di dân tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

c) Công an tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi chỉ đạo ngăn chặn các hành vi phá hoại, vi phạm công trình thủy lợi, cản trở việc giải tỏa công trình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên có trách nhiệm đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi và toàn bộ quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi tại địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện nghiêm quy định này.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của pháp luật và của tỉnh về bảo vệ công trình thủy lợi cho các tổ chức, nhân dân hiểu và thực hiện.

3. Quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quy định của tỉnh. Khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất có liên quan đến công trình thủy lợi phải thống nhất bằng văn bản với Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Phối hợp với đơn vị quản lý trực tiếp các công trình thủy lợi trong công tác bảo vệ công trình thủy lợi, chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp với các đơn vị quản lý công trình kiểm tra phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm công trình thủy lợi.

5. Tham gia, phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình trong việc xây dựng, thực hiện phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa.

6. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp với các các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

7. Quyết định xử lý đối với các vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

8. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại tố cáo liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

9. Phê duyệt (khi được phân cấp) và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ và kịp thời khắc phục hậu quả, đảm bảo an toàn cho công trình thủy lợi khi gặp sự cố theo thẩm quyền.

10. Kịp thời xử lý những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền cấp trên để xử lý. Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương.

11. Tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi

1. Tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do mình quản lý và bảo đảm an toàn công trình theo quy định của Luật Thủy lợi và quy định này. Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã trong quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cùng UBND cấp xã nơi xảy ra vi phạm xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục lại hiện trạng ban đầu, trường hợp vi phạm nghiêm trọng, báo cáo ngay cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

3. Huy động lực lượng, vật tư thiết bị để bảo vệ và kịp thời khắc phục hậu quả đảm bảo an toàn cho công trình thủy lợi khi gặp sự cố theo thẩm quyền.

4. Chủ động phối hợp với UBND cấp xã cùng các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi để mọi người dân hiểu và tự giác thực hiện.

5. Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cho UBND cấp xã.

6. Thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải tuân thủ theo các quy định của Luật Thủy lợi, các văn bản hướng dẫn Luật và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết và điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH